

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về cho phép thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của lực lượng Bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an thành phố tại Tờ trình số 69/TT-CATP(PX28) ngày 22 tháng 11 năm 2007 về thành lập lực lượng Bảo vệ dân phố kèm Đề án số 159/ĐA-CATP(PX28) ngày 22 tháng 11 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 877/TTr-SNV ngày 28 tháng 10 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập lực lượng Bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố và Thông tư liên tịch số

02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức hoạt động, trang bị, chế độ chính sách, kinh phí hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, được thành lập ở phường, thị trấn (sau đây gọi chung là phường) do Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập theo quy định.

Điều 3. Bảo vệ dân phố có chức năng thực hiện một số biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo vệ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo vệ dân phố thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Mục II, III Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

Chương III**TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ TRANG BỊ CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ****Điều 5. Tổ chức Bảo vệ dân phố****1. Tổ Bảo vệ dân phố ở khu phố**

a) Mỗi khu phố thành lập một Tổ Bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 người, trong năm đầu chỉ bố trí 4 người. Tổ Bảo vệ dân phố có Tổ trưởng và các tổ viên. Nơi có từ 05 tổ viên hoặc địa bàn phức tạp về an ninh trật tự thì có thể được bầu thêm 01 Tổ phó.

b) Tổ Bảo vệ dân phố do Cảnh sát khu vực có trách nhiệm phối hợp với Cấp ủy Chi bộ và Trưởng khu phố lựa chọn, giới thiệu và tổ chức cuộc họp gồm: Trưởng, Phó khu phố, Ban Công tác Mặt trận; Ban chấp hành: Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu Chiến binh; Tổ trưởng, Tổ phó dân phố và đại diện một số hộ gia đình do Tổ dân phố cử ra (mỗi tổ dân phố cử từ 5 đến 10 hộ).

c) Người trúng cử vào Tổ Bảo vệ dân phố phải được sự đồng ý của trên 50% số người tham gia biểu quyết tán thành. Tổ trưởng Bảo vệ dân phố do Cảnh sát khu vực lựa chọn giới thiệu trong số người trúng cử Tổ Bảo vệ dân phố để tập thể Tổ Bảo vệ dân phố bầu bằng hình thức biểu quyết.

d) Căn cứ kết quả bầu cử, Cảnh sát khu vực báo cáo Trưởng Công an phường, đề Trưởng Công an phường báo cáo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn ra quyết định công nhận Tổ Bảo vệ dân phố và Tổ trưởng, Tổ phó, các tổ viên.

2. Ban Bảo vệ dân phố ở phường

a) Mỗi phường thành lập một Ban Bảo vệ dân phố. Thành viên Ban gồm các Tổ trưởng Bảo vệ dân phố trong phường. Ban Bảo vệ dân phố có Trưởng ban, từ 01 đến 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban, Phó Trưởng ban do toàn thể Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố bầu theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín.

b) Trưởng Công an phường có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Bảo vệ dân phố để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban; dự kiến nhân sự Trưởng ban, Phó Trưởng ban để hội nghị xem xét bầu. Căn cứ kết quả bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng Công an phường có văn bản báo cáo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định thành lập Ban Bảo vệ dân phố và quyết định công nhận Trưởng ban, Phó Trưởng ban, các ủy viên.

3. Nhiệm kỳ hoạt động của Bảo vệ dân phố

Nhiệm kỳ hoạt động của Bảo vệ dân phố là 05 năm. Trong nhiệm kỳ, việc thay đổi, bãi nhiệm, bổ sung các chức danh của Bảo vệ dân phố được thực hiện như sau:

a) Nếu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố mà khuyết (do chết, không đảm bảo sức khỏe, xin nghỉ việc...), không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tập thể Ban và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật... thì Trưởng Công an phường báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho tổ chức cuộc họp tập thể Ban Bảo vệ dân phố để bầu bổ sung hoặc lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và bầu người thay thế.

b) Nếu Tổ trưởng, Tổ phó và các tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố mà khuyết, không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tập thể Ban và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì Cảnh sát khu vực cùng với Trưởng ban Bảo vệ dân phố báo cáo đề xuất với Trưởng Công an phường cho tổ chức cuộc họp bầu bổ sung hoặc lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và bầu người thay thế. Thành phần như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Chương III của Quy chế này.

c) Việc công nhận và bãi nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó và các tổ viên Bảo vệ dân phố phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định bằng văn bản. Nhiệm kỳ của người được bầu bổ sung, thay thế tính từ ngày được công nhận cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Bảo vệ dân phố đương nhiệm.

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn tham gia lực lượng Bảo vệ dân phố

Điều kiện, tiêu chuẩn tham gia lực lượng Bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ, trong đó cần lưu ý một số điểm như sau:

1. Cư trú ổn định tại địa bàn là người đã đăng ký thường trú hoặc tạm trú có thời hạn từ 1 năm trở lên và thường xuyên sinh sống tại nơi đăng ký, có đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Không có tiền án, tiền sự bao gồm cả những người đã có quyết định xóa án hoặc đương nhiên xóa án, những người hết thời hạn thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với chức danh Trưởng Ban Bảo vệ dân phố ngoài tiêu chuẩn chung quy định cho Bảo vệ dân phố cần có thêm tiêu chuẩn là có năng lực tổ chức thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

4. Ưu tiên lựa chọn Bảo vệ dân phố trong những người đã tham gia quân đội, công an hoặc tham gia công tác ở cơ quan, đơn vị nhà nước trở về địa phương.

Điều 7. Môi quan hệ, chế độ làm việc, sinh hoạt Bảo vệ dân phố

1. Môi quan hệ:

a) Đối với Cấp ủy, Ủy ban nhân dân phường, Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo, điều hành, quản lý về tổ chức và chỉ đạo chung về công tác.

b) Đối với Công an phường, Bảo vệ dân phố chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ bảo vệ an ninh trật tự và tham gia phối hợp cùng Công an phường trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

c) Đối với lực lượng Dân quân tự vệ, những người tham gia Dân phòng, các đoàn thể quần chúng và lực lượng Bảo vệ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường là quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong địa bàn theo sự chỉ đạo của Cấp ủy, Ủy ban nhân dân phường.

d) Tổ Bảo vệ dân phố chịu sự chỉ đạo, quản lý chung của Cấp ủy Chi bộ, Trưởng, Phó khu phố; sự giám sát của Ban công tác Mặt trận khu phố, nhân dân và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ an ninh trật tự của Cảnh sát khu vực, vừa phối hợp, vừa giúp Cảnh sát khu vực trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, nhằm xây dựng khu phố an toàn về mọi mặt, phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Chế độ làm việc:

a) Trưởng ban phụ trách chung, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Ban Bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban giúp việc Trưởng ban thực hiện phần việc được phân công, thay thế Trưởng ban chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Ban khi được Trưởng ban ủy quyền; ủy viên Ban Bảo vệ dân phố chịu sự điều hành của Trưởng ban, Phó Trưởng ban; trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động Tổ Bảo vệ dân phố thuộc phạm vi phụ trách.

b) Bảo vệ dân phố làm việc theo chế độ thường trực bảo đảm 24/24 giờ. Ban ngày tại điểm làm việc của Ban Bảo vệ dân phố có ít nhất 02 người để xử lý công việc; ban đêm có chế độ tăng cường ứng trực và tổ chức tuần tra canh gác.

c) Tổ Bảo vệ dân phố ở khu phố thực hiện các nhiệm vụ của Bảo vệ dân phố tại địa bàn phụ trách. Hàng ngày có 02 người trực ở điểm làm việc của tổ để xử lý công việc liên quan an ninh trật tự và tiếp nhận thông tin báo cáo của nhân dân. Những người không trực tại điểm làm việc thì làm nhiệm vụ thường xuyên của Bảo vệ dân phố theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến an ninh trật tự do Trưởng Ban Bảo vệ dân phố giao.

3. Chế độ sinh hoạt:

a) Tổ Bảo vệ dân phố hàng tuần sinh hoạt, kiểm điểm kết quả công tác trong tuần, triển khai các nhiệm vụ được Trưởng ban giao và đề ra chương trình công tác cho tuần tiếp theo và báo cáo với Ban Bảo vệ dân phố phường về kết quả nội dung công việc được giao. Cuộc họp Tổ Bảo vệ dân phố có mời đại diện cấp ủy chi bộ, Trưởng, Phó khu phố, Cảnh sát khu vực khu phố dự để chỉ đạo và hướng dẫn.

b) Ban Bảo vệ dân phố phường sinh hoạt tháng 01 lần (trừ đột xuất) để kiểm điểm đánh giá kết quả công tác, triển khai nhiệm vụ công tác tháng tới; sau đó tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân và Công an phường.

c) Hàng tuần Tổ Bảo vệ dân phố và hàng tháng Ban Bảo vệ dân phố thực hiện bình xét chấm điểm thi đua. Định kỳ 6 tháng, năm có sơ kết, tổng kết công tác theo quy định.

Điều 8. Huấn luyện

1. Bảo vệ dân phố được học tập chính trị, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ công tác bảo vệ an ninh trật tự mỗi năm 01 lần theo chương trình của ngành Công an quy định theo yêu cầu nhiệm vụ.

2. Công an quận, huyện chịu trách nhiệm giúp phường, thị trấn tổ chức huấn luyện và hướng dẫn cho Bảo vệ dân phố, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường...

3. Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Bảo vệ dân phố. Hàng năm tổ chức hội thao phòng cháy, chữa cháy và thường xuyên phối hợp cùng công an các cấp tổ chức kiểm tra công tác phòng cháy và xử lý tình huống chữa cháy của Bảo vệ dân phố ở cơ sở.

Điều 9. Trang bị

1. Bảo vệ dân phố được trang bị và sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, thiết bị cứu hộ, phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật và hướng dẫn của ngành Công an. Việc sử dụng và mang vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

2. Được cấp đồng phục (quần, áo, mũ, giày...), giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh và các phương tiện, dụng cụ cần thiết khác theo quy định, hướng dẫn của Công an cấp trên.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 10. Chế độ

1. Mức phụ cấp của Bảo vệ dân phố do Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào điều kiện, khả năng cụ thể và cân đối ngân sách thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Phụ cấp hàng tháng theo chức danh của Bảo vệ dân phố do Ủy ban nhân dân phường chi trả theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Được mua bảo hiểm y tế tự nguyện.

4. Trong thời gian tập trung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, huấn luyện nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự, Bảo vệ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp đi lại, ăn ở như quy định đối với Công an xã.

Điều 11. Chính sách

Bảo vệ dân phố trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc hy sinh theo quy định tại Điều 3, Điều 11 Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì được xem xét xác nhận là người được hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sỹ. Thủ tục, hồ sơ xác nhận thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II, Mục V Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 7 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 12. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Bảo vệ dân phố

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Bảo vệ dân phố thực hiện như khoản 3 Mục VII Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTĐBXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 13. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, hướng dẫn, chỉ đạo công tác Bảo vệ dân phố thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 14. Bảo vệ dân phố được xét thi đua khen thưởng hàng năm và khen thưởng đột xuất khi lập thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ an ninh trật tự theo

Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư số 18/2007/TT-BCA ngày 03 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 15. Bảo vệ dân phố lợi dụng chức vụ, nhiệm vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật hoặc mưu cầu lợi ích cá nhân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, uy tín của tổ chức thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Căn cứ vào Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn chịu trách nhiệm về tổ chức, hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự của địa phương, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố. Bố trí địa điểm làm việc phù hợp theo khả năng của địa phương cho Ban, Tổ Bảo vệ dân phố; quản lý việc cấp, thu hồi giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh Bảo vệ dân phố; thực hiện chế độ, chính sách và quản lý việc sử dụng kinh phí cho hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố theo Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Giám đốc Công an thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố; xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự; đề xuất thống nhất trang phục, mẫu giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh, quy định chủng loại công cụ hỗ trợ cho Bảo vệ dân phố./.

TM . ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân